ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:672 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 05 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Bắc Sơn

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo 50 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Lạng Sơn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 52/TTr-SXD ngày 30/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Bắc Sơn, như sau:

1. Tên dự án thành phần: Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Bắc Sơn.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Bắc Sơn.

4. Mục tiêu đầu tư: đầu tư xây dựng các Trạm y tế nhằm đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh cho Nhân dân các xã: Long Đống, Nhất Hoà, Vũ Lễ, Tân Thành, Tân Tri, huyện Bắc Sơn.

5. Quy mô đầu tư xây dựng

a) Trạm y tế xã Long Đống:

- Công trình phá dỡ: nhà công vụ công an xã, diện tích xây dựng 31m^2; nhà bếp, diện tích xây dựng 15,3m^2; nhà vệ sinh, diện tích xây dựng 4,8m^2; nhà kho, diện tích xây dựng 15m^2; nhà Trạm y tế cũ, diện tích xây dựng 67m^2.

- Xây mới nhà 01 tầng, gồm 09 phòng, diện tích xây dựng 214m^2.

- Các hạng mục phụ trợ: xây mới nhà vệ sinh, bể nước, nhà chứa rác, nhà để xe, kè đá, san nền, tường rào.

b) Trạm y tế xã Nhất Hoà:

- Xây mới nhà 01 tầng, gồm 09 phòng, diện tích xây dựng 240m^2.

- Cải tạo nhà công vụ hiện trạng, diện tích xây dựng 152m^2.

- Các hạng mục phụ trợ: xây mới nhà chứa rác, nhà để xe, cổng, sân bê tông, bể nước.

c) Trạm y tế xã Vũ Lễ:

- Xây mới nhà 02 tầng, 13 phòng chức năng, diện tích xây dựng 200m^2, diện tích sàn 383m^2.

- Cải tạo, nâng cấp 01 dãy nhà (05 phòng bệnh khép kín) thành nhà khám bệnh đa khoa 02 tầng, diện tích xây dựng khoảng 165m^2, diện tích sàn 331m^2.

- Các hạng mục phụ trợ: nhà để xe; nhà chứa rác; sân bê tông; cổng, tường rào.

d) Trạm y tế xã Tân Thành

- Xây mới nhà 02 tầng, 13 phòng chức năng, diện tích xây dựng 216m^2, diện tích sàn 426m^2.

- Các hạng mục phụ trợ: nhà công vụ; nhà để xe; nhà chứa rác; sân bê tông; cổng, tường rào; bể chứa nước; giếng khoan; san nền.

e) Trạm y tế xã Tân Tri

- Xây mới nhà 02 tầng, 13 phòng chức năng, 01 phòng bếp và 01 phòng công vụ diện tích xây dựng 265m^2, diện tích sàn 500m^2.

- Các hạng mục phụ trợ: nhà để xe; nhà chứa rác; sân bê tông; cổng, tường rào.

6. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi

a) Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất xây dựng công trình: Công ty cổ phần Thời Đại.

b) Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH MTV tư vấn và xây dựng Hà Minh.

7. Địa điểm xây dựng:

- Trạm y tế xã Long Đống, xã Tân Thành được đầu tư trên khu đất mới phải thực hiện giải phóng mặt bằng, thuộc xã Long Đống, xã Tân Thành.

- Trạm y tế các xã Nhất Hòa, Vũ Lễ, Tân Tri, huyện Bắc Sơn được đầu tư xây dựng trong khuôn viên hiện trạng khu đất của các Trạm y tế đang quản lý, sử dụng.

8. Diện tích sử dụng đất:

- Trạm y tế xã Long Đống: 1.416,4m^2

- Trạm y tế xã Nhất Hoà: 2.473m^2

- Trạm y tế xã Vũ Lễ: 1.041m^2.

- Trạm y tế xã Tân Thành: 1.310m^2.

- Trạm y tế xã Tân Tri: 606m^2.

9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình thuộc dự án: nhóm C, loại công trình dân dụng, cấp III.

10. Số bước thiết kế: 02 bước

11. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng

- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

- QCVN 06/2021/TT-BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- QCVN 02:2009/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng;

- QCXDVN 05: 2008/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe;

- QCVN 06: 2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình;

- QCVN 10:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

- QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- TCVN 7022:2002 Trạm y tế cơ sở - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 9344:2012 Kết cấu BTCT - Đánh giá độ bền;

- TCVN 5573:2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép, tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9362:2012 Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;

- TCVN 5574:2018 Kết cấu bê tông, cốt thép tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5575:2012 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 2737:2020 Tải trọng và tác động;

- TCVN 5687:2010 Thông gió, điều hòa không khí - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 16:1986 Chiếu sáng nhân tạo trong công trình công cộng;

- TCVN 9207:2012 Đặt đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9206:2012 Đặt thiết bị điện trong nhà và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 7114-1:2008, Ecgônômi. Tiêu chuẩn chiếu sáng bên trong công trình.

- TCVN 7114-3:2008, Ecgônômi. Chiếu sáng nơi làm việc phần yêu cầu chiếu sáng an toàn và bảo vệ tại những nơi làm việc ngoài nhà.

- TCXD 29:1991 Chiếu sáng tự nhiên trong công trình dân dụng - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 7447:2010 Hệ thống lắp điện hạ áp;

- TCVN 2622:1995 Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 6102:1996 Hệ thống phòng cháy, chữa cháy, chất bột khí;

- TCVN 7435-1:2004 Phòng cháy, chữa cháy - bình chữa cháy xách tay và xe đẩy chữa cháy phần 1: Lựa chọn và bố trí.

- TCVN 4474:1987 Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 4513:1988 Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 7957:2008 Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế

12. Các giải pháp thiết kế chủ yếu

12.1. Trạm y tế xã Long Đống

12.1.1. Giải pháp phá dỡ

- Phá dỡ tạo mặt bằng thi công: thực hiện phá dỡ bằng máy kết hợp thủ công các công trình hiện trạng gồm nhà Trạm y tế cũ, diện tích xây dựng 67m^2; nhà công vụ công an xã, diện tích xây dựng 31m^2; nhà bếp, diện tích xây dựng 15,3m^2; nhà vệ sinh, diện tích xây dựng 4,8m^2; nhà kho, diện tích xây dựng 15m^2.

- Chất thải xây dựng sau khi phá dỡ được vận chuyển đổ thải bằng ô tô 07 tấn, cự ly vận chuyển cách công trình 3km.

12.1.2. Giải pháp thiết kế tổng mặt bằng

Trụ sở Trạm y tế xã Long Đống được xây dựng trên khu đất có diện tích 1.416,4m^2, đầu tư xây dựng mới các hạng mục công trình như sau:

- Nhà Trạm y tế xây mới 01 tầng, bố trí tại phía Đông Bắc của khu đất, mặt đứng chính hướng Tây Nam

- Nhà công vụ xây mới 01 tầng, bố trí tại phía Đông Bắc của khu đất, mặt đứng chính hướng Tây Nam

- Nhà vệ sinh xây mới 01 tầng, bố trí tại phía Đông Bắc của khu đất, mặt đứng chính hướng Tây Nam

- Nhà chứa rác xây mới 01 tầng, bố trí tại phía Đông Bắc của khu đất, mặt đứng chính hướng Tây Nam

- Nhà để xe xây mới, bố trí tại phía Tây Nam của khu đất, mặt đứng chính hướng Bắc

Các chỉ tiêu quy hoạch đạt được: mật độ xây dựng: 35%; hệ số sử dụng đất 0,3 lần; số tầng cao 01 tầng.

12.1.3. Giải pháp thiết kế, cải tạo, sửa chữa các hạng mục công trình

12.1.3.1. Nhà Trạm y tế

- Giải pháp kiến trúc (*sử dụng mẫu số 03, Trạm y tế xã phần từ cốt ±0.000 đến mái ban hành kèm theo Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)*.

Mặt bằng nhà hình chữ nhật, kích thước theo tim tường (26,4x8,5)m; hành lang phía trước rộng 2,3m (tính theo tim tường). Mái dốc lợp tôn.

- Giải pháp thiết kế kết cấu: sử dụng móng đơn bê tông cốt thép mác 200, kết hợp móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; hệ cột, dầm, sàn mái bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp hình chữ C tiết diện (100x50)mm dày 2mm đặt trên tường thu hồi.

- Giải pháp thiết kế hoàn thiện: nền các phòng và hành lang lát gạch ceramic kích thước (600x600)mm; tường phòng đẻ, phòng kế hoạch hoá gia đình ốp gạch men kích thước (300x600)mm cao đến trần; tường phòng sơ cấp cứu, phòng tiêm, phòng tiệt trùng ốp gạch men kích thước (300x600)mm cao 2m; chân tường phòng khám (đông + tây y) ốp gạch kích thước (1200x600)mm. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 15mm; trát trần bằng vừa xi măng cát mác 75 dày 15mm; toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn 01 nước lót 02 nước phủ. Toàn bộ cửa đi, cửa sổ các phòng sử dụng cửa thép tấm, kính trắng dày 5mm.

- Giải pháp thiết kế cấp điện, chiếu sáng:

Nguồn điện cấp cho công trình lấy từ cột điện ngoài nhà sử dụng dây cáp CU/XPLE/PVC tiết diện (3x2,5+1x1,5)mm^2 cấp đến tủ điện tổng đặt tại trục B:(8-9). Từ tủ điện tổng cấp điện đến các phòng, cấp đến các thiết bị sử dụng điện bằng dây dẫn CU/XLPE/PVC tiết diện (2x1,5)mm^2; CU/XLPE/PVC tiết diện (2x2,5)mm^2. Dây dẫn điện luồn trong ống nhựa mềm đi ngầm trong tường. Tủ điện có aptomat bảo vệ.

Chiếu sáng các phòng sử dụng đèn tuýp led đôi, công suất mỗi bóng 20w. Chiếu sáng hành lang sử dụng đèn led ốp trần công suất 32w. Thông gió nhân tạo dùng quạt trần sải cánh 1,4m

- Giải pháp thiết kế cấp nước: nước cấp cho công trình được bơm từ bể chứa nước xây mới bằng máy bơm (Q=3,6m^3/h, H=15m) lên téc nước đặt trên sàn mái (dung tích téc chứa nước 1m^3). Nước cấp xuống các thiết bị dùng nước bằng ống nhựa hàn nhiệt PP-R d=20mm.

- Giải pháp thiết kế thoát nước: nước từ xí, tiểu theo đường ống PVC d=110mm thoát vào bể tự hoại. Từ bể tự hoại thoát ra bể tự ngấm. Nước từ chậu rửa của các phòng nghiệp vụ được thu vào bể xử lý nước thải trước sau khi nước được xử lý thoát ra bể tự ngấm. Nước mưa từ mái thoát xuống sân bằng đường ống PVC d=90mm sau đó chảy theo độ dốc tự nhiên của sân.

- Giải pháp thiết kế chống sét: kim thu sét dùng thép tròn đường kính d=16mm dài 1m; dây dẫn sét dùng dây thép tròn đường kính d=10mm. Dây nối đất dùng dây thép tròn d=12mm. Cọc tiếp địa sử dụng thép hình L(63x63x6)mm dài 2,5m đặt sâu cách mặt đất 1,0m. Điện trở nối đất Rnđ ≤ 10Ω.

- Giải pháp thiết kế phòng cháy, chữa cháy: bố trí 01 tủ chứa bình chữa cháy bằng kim loại tại trục B:(1-2), tủ chứa 02 bình bột MFZL4 (4kg) và 02 bình MT3 (4kg); biển nội quy, tiêu lệnh chữa cháy được thiết kế đồng bộ.

12.1.3.2. Các hạng mục phụ trợ

a) Nhà công vụ

- Giải pháp thiết kế kiến trúc: mặt bằng nhà hình chữ nhật kích thước theo tim tường (10,2x6,8)m; ○chiều cao nhà 5,3m, chiều cao tôn nền 0,36m so với mặt sân; hành lang phía trước rộng 1,4m (tính theo tim tường). Mái dốc lợp tôn.

- Giải pháp thiết kế kết cấu: móng đơn bê tông cốt thép mác 200, kết hợp móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; hệ cột, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp tiết diện (40x80)mm dày 1,4mm đặt trên tường thu hồi.

- Giải pháp thiết kế hoàn thiện: nền nhà và hành lang lát gạch ceramic kích thước (600x600)mm; tường phòng bếp ốp gạch men kích thước (300x600) ốp cao 2m. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 15mm; trát trần bằng vừa xi măng cát mác 75 dày 15mm; toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn 01 nước lót 02 nước phủ. Toàn bộ cửa đi, cửa sổ các phòng sử dụng cửa thép tấm, kính trắng dày 5mm.

- Giải pháp thiết kế cấp điện, chiếu sáng: nguồn điện cấp cho công trình lấy từ tủ điện tổng đặt tại nhà Trạm y tế xây mới sử dụng dây CU/PVC/PVC tiết diện (2x6)mm^2 cấp đến tủ điện nhà công vụ. Từ tủ điện cấp đến các thiết bị sử dụng điện bằng dây dẫn CU/XLPE/PVC tiết diện (2x1,5)mm^2; CU/XLPE/PVC tiết diện (2x2,5)mm^2. Dây dẫn điện luồn trong ống nhựa mềm đi ngầm trong tường. Tủ điện có aptomat bảo vệ. Chiếu sáng các phòng sử dụng đèn tuýp led

đơn, công suất 40w. Chiếu sáng hành lang sử dụng đèn led ốp trần công suất 32w. Thông gió nhân tạo dùng quạt trần sải cánh 1,4m

- Giải pháp thiết kế cấp nước: nước cấp cho phòng bếp của công trình lấy từ téc nước đặt trên sàn mái nhà công vụ. Nước cấp xuống các thiết bị dùng nước bằng ống nhựa hàn nhiệt PP-R, đường kính d=25mm, d=20mm.

- Giải pháp thiết kế thoát nước: nước từ chậu rửa đặt trong phòng bếp theo đường ống PVC d=90mm, d=110mm thoát vào bể tự hoại.

- Giải pháp thiết kế phòng cháy, chữa cháy: mỗi tầng bố trí 01 tủ chứa bình chữa cháy bằng kim, mỗi tủ chứa bình bột MFZL4 (4kg) và bình MT3 (4kg); biển nội quy, tiêu lệnh chữa cháy được thiết kế đồng bộ.

b) Nhà vệ sinh

- Giải pháp thiết kế kiến trúc: công trình cao 01 tầng, mặt bằng nhà hình chữ nhật, kích thước theo tim tường (3,6x5)m; chiều cao nhà 3,3m; chiều cao tôn nền 0,15m. Mái láng vữa xi măng mác 100 dày 20mm.

- Giải pháp thiết kế kết cấu: móng đơn bê tông cốt thép mác 200, kết hợp móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; hệ cột, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50.

- Giải pháp thiết kế hoàn thiện: nền nhà lát gạch ceramic chống trơn kích thước (300x300)mm. Tường lát gạch men kích thước (250x400)mm cao 2m. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 15mm; sơn hoàn thiện 01 nước lót 02 nước phủ. Toàn bộ cửa đi, cửa sổ các phòng sử dụng cửa thép định hình sơn tĩnh điện, kính trắng dày 5mm.

- Giải pháp thiết kế cấp điện, chiếu sáng: nguồn điện được lấy từ tủ điện nhà Trạm y tế cấp đến tủ điện nhà vệ sinh bằng dây CU/XLPE/PVC/PVC (2x1,5)mm^2. Từ tủ điện cấp đến các thiết bị sử dụng điện bằng dây CU/PVC/PVC (2x1,5)mm^2. Toàn bộ hệ thống điện đi ngầm tường, tủ điện có aptomat bảo vệ.

- Giải pháp thiết kế cấp nước: Nước cấp cho công trình được lấy từ téc nước (dung tích 1m^3) đặt trên sàn mái nhà công vụ. Nước cấp xuống các thiết bị dùng nước bằng ống nhựa hàn nhiệt PP-R d=34mm, d=20mm

- Giải pháp thiết kế thoát nước: nước từ xí, tiểu theo đường ống PVC d=110mm thoát vào bể tự hoại. Nước sàn và nước từ lavabo được thoát theo đường ống PVC d=90mm vào bể tự ngấm. Nước mưa từ mái thoát trực tiếp xuống sân bằng ống PVC d=90mm.

c) Nhà chứa rác

- Giải pháp thiết kế kiến trúc: công trình cao 01 tầng, mặt bằng nhà hình chữ nhật, kích thước theo tim tường (2,5x2,5)m; chiều cao nhà 4,2m; chiều cao tôn nền 0,15m. Mái dốc lợp tôn dày.

- Giải pháp thiết kế kết cấu: móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp tiết diện (30x60)mm dày 1,1mm đặt trên tường thu hồi.

- Giải pháp thiết kế hoàn thiện: nền nhà đổ bê tông mác 150 dày 100mm. Tường trong và ngoài nhà quét vôi ve. Cửa đi sử dụng thép hộp.

- Giải pháp thiết kế cấp điện: nguồn điện được lấy từ tủ điện tổng đặt tại nhà Trạm y tế, dây dẫn cấp điện cho các thiết bị điện sử dụng dây CU/PVC tiết diện (2x1,5)mm^2 đến tủ điện đặt trong nhà.

- Giải pháp thiết kế thoát nước mưa: nước mưa từ mái thoát trực tiếp xuống sân bê tông.

d) Nhà để xe: mặt bằng hình chữ nhật, kích thước (9x2,5)m. Chiều cao tôn nền 0,05m so với mặt sân; chiều cao nhà 2,9m; mái dốc lợp tôn đặt trên hệ xà gồ bằng thép hộp tiết diện (80x40)mm dày 1,4mm đặt trên thép ống d=40mm. Móng cột bằng bê tông mác 200, sâu 0,9m so với mặt sân; cột đỡ mái bằng thép ống d=100mm, được chôn sâu xuống đáy móng; nền nhà để xe bằng bê tông xi măng mác 150, dày 100m.

e) Bể chứa nước: bể đặt nổi, kích thước bể (2x2,5x1,6)m; đáy và nắp bể bằng bê tông cốt thép mác 200; thành bể xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 50; trát trong bể bằng vữa xi măng cát mác 100, dày 2cm. Đáy bể láng vữa xi măng tinh chống thấm.

f) Kè đá hộc (chiều dài 104,4m): được xây dựng trên tuyến ranh giới phía Đông Bắc của khu đất, kè bằng đá hộc vữa xi măng mác 100, chân kè rộng 1220mm; đỉnh kè rộng 300; kè cao từ 1-2m.

g) Tường rào: móng và trụ tường đặt trên kè đá hộc. Tường rào xây mới bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50, trát bằng vữa xi măng cát mác 75 dày 1,5cm; quét vôi ve hoàn thiện.

h) San nền: tổng diện tích san nền 2090,35m^2, trong đó diện tích đắp 2090,35m^2; cao độ san nền trung bình +395m; độ chặt đất đắp san nền k=0,90.

12.2 Trạm y tế xã Nhất Hoà

12.2.1. Giải pháp phá dỡ

- Phá dỡ tạo mặt bằng thi công: thực hiện phá dỡ bằng máy kết hợp thủ công nhà hành chính hiện trạng 01 tầng, diện tích xây dựng 84,3m^2.

- Chất thải xây dựng sau khi phá dỡ được vận chuyển đổ thải bằng ô tô 07 tấn, cự ly vận chuyển cách công trình 02 km.

12.2.2. Giải pháp thiết kế tổng mặt bằng

Trụ sở Trạm y tế xã Nhất Hoà được xây dựng trên khu đất có diện tích 2.473m^2, thực hiện cải tạo, đầu tư xây dựng mới các hạng mục công trình như sau:

a) Các công trình hiện trạng:

- Nhà khám chữa bệnh 02 tầng hiện trạng, bố trí tại phía Tây Nam, mặt đứng chính hướng Đông Nam.

- Nhà công vụ hiện trạng bố trí tại phía Tây Bắc, mặt đứng chính hướng Đông Nam.

b) Các công trình xây mới

- Nhà Trạm y tế xây mới 01 tầng, bố trí tại phía Tây Bắc của khu đất, mặt đứng chính hướng Đông Bắc.

- Nhà để xe xây mới, bố trí tại phía Tây Bắc của khu đất, mặt đứng chính hướng Tây

- Nhà chứa rác xây mới 01 tầng, bố trí tại phía Tây Bắc của khu đất, mặt đứng chính hướng Tây

Các chỉ tiêu quy hoạch đạt được: Mật độ xây dựng 21,3%; hệ số sử dụng đất 0,26 lần; số tầng cao 02 tầng.

12.2.3. Giải pháp thiết kế, cải tạo, sửa chữa các hạng mục công trình

12.2.3.1. Cải tạo nhà công vụ hiện trạng

- Đục bỏ lớp vữa trát tường tại một số vị trí đã bong tróc, trát lại bằng vữa xi măng cát mác 50.

- Cạo bỏ toàn bộ lớp sơn cũ trong và ngoài nhà, hoàn thiện sơn lại 01 nước lót 02 nước phủ.

- Tháo dỡ cửa đi, cửa sổ đã xuống cấp; thay mới cửa đi, cửa sổ bằng cửa sắt sơn tĩnh điện.

- Tháo dỡ mái tôn hiện trạng đã xuống cấp, thay mới bằng mái tôn sóng vuông.

- Tháo dỡ toàn bộ hệ thống điện hiện trạng, đi lại hệ thống dây điện mới. Nguồn điện được lấy từ lưới điện khu vực sử dụng dây cáp CU/XPLE/PVC tiết diện (3x2,5+1x1,5)mm^2 cấp đến tủ điện tổng đặt tại trục B:(4-5). Từ tủ điện tổng cấp điện đến các phòng, cấp đến các thiết bị sử dụng điện bằng dây dẫn CU/XLPE/PVC tiết diện (2x1,5)mm^2; CU/XLPE/PVC tiết diện (2x2,5)mm^2. Dây dẫn điện luồn trong ống nhựa mềm đi ngầm trong tường. Tủ điện có aptomat bảo vệ.

Chiếu sáng các phòng sử dụng đèn tuýp led đôi, công suất mỗi bóng 20w. Chiếu sáng hành lang sử dụng đèn led vuông ốp trần công suất 18w. Thông gió nhân tạo dùng quạt trần sải cánh 1,4m

12.2.3.2. Nhà Trạm y tế xây mới

- Giải pháp thiết kế kiến trúc (*vận dụng thiết kế mẫu số 04, Trạm y tế xã phần từ cốt ±0.000 đến mái ban hành kèm theo Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn).*

Mặt bằng nhà hình chữ L, kích thước theo tim tường (20,5x16,8)m; hành lang phía rộng 2,3m (tính theo tim tường). Mái dốc lợp tôn.

- Giải pháp thiết kế kết cấu: móng đơn bê tông cốt thép mác 200, kết hợp móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; hệ cột, dầm, sàn mái bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp hình chữ C tiết diện (100x50)mm dày 2mm đặt trên tường thu hồi.

- Giải pháp thiết kế hoàn thiện: nền các phòng và hành lang lát gạch ceramic kích thước (600x600)mm; tường phòng đẻ, phòng kế hoạch hoá gia đình ốp gạch men kích thước (300x600)mm cao đến trần; tường phòng sơ cấp cứu, phòng tiêm, phòng tiệt trùng ốp gạch men kích thước (300x600)mm cao 2m; chân tường phòng khám (đông + tây y) ốp gạch kích thước (1200x600)mm. Nền các phòng vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước (300x300)mm; tường phòng vệ sinh ốp bằng gạch ceramic kích thước (300x600)mm cao 1,8m; ốp trần nhựa xương nhôm tấm thả. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 15mm; trát trần bằng vừa xi măng cát mác 75 dày 15mm; toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn 01 nước lót 02 nước phủ. Toàn bộ cửa đi, cửa sổ các phòng sử dụng cửa thép tấm, kính trắng dày 5mm.

- Giải pháp thiết kế cấp điện, chiếu sáng: nguồn điện cấp cho công trình lấy từ cột điện ngoài nhà sử dụng dây cáp CU/XPLE/PVC tiết diện (3x2,5+1x1,5)mm^2 cấp đến tủ điện tổng đặt tại trục 2: E. Từ tủ điện tổng cấp điện đến các phòng, cấp đến các thiết bị sử dụng điện bằng dây dẫn CU/XLPE/PVC tiết diện (2x1,5)mm^2; CU/XLPE/PVC tiết diện (2x2,5)mm^2. Dây dẫn điện luồn trong ống nhựa mềm đi ngầm trong tường. Tủ điện có aptomat bảo vệ. Chiếu sáng các phòng sử dụng đèn tuýp led đôi, công suất mỗi bóng 40w. Chiếu sáng hành lang sử dụng đèn led ốp trần công suất 32w. Thông gió nhân tạo dùng quạt trần sải cánh 1,4m

- Giải pháp thiết kế cấp nước: nước cấp cho công trình được bơm từ giếng khoan đã có sẵn của Trạm y tế sử dụng máy bơm (Q=2-3m^3/h, H=25m) lên téc nước đặt trên sàn mái (dung tích téc chứa nước 3m^3). Nước cấp xuống các thiết bị dùng nước bằng ống nhựa hàn nhiệt PP-R d=32mm; d=20mm.

- Giải pháp thiết kế thoát nước: nước từ xí, tiểu theo đường ống PVC d=110mm thoát vào bể tự hoại. Nước sàn và nước từ lavabo được thoát theo đường ống PVC d=90mm vào bể ngấm. Nước mưa từ mái thoát xuống sân bằng đường ống PVC d=90mm sau đó chảy ra rãnh thoát nước mưa ngoài nhà.

- Giải pháp thiết kế chống sét: kim thu sét dùng thép tròn đường kính d=16mm dài 1m; dây dẫn sét dùng dây thép tròn đường kính d=10mm. Dây nối đất dùng dây thép tròn d=12mm. Cọc tiếp địa sử dụng thép hình L(63x63x6)mm dài 2,5m đặt sâu cách mặt đất 1,0m. Điện trở nối đất Rnđ ≤ 10Ω.

- Giải pháp thiết kế phòng cháy, chữa cháy: bố trí 01 tủ chứa bình chữa cháy bằng kim loại tại trục E:(7-8), tủ chứa 03 bình bình bột MFZL4 (4kg); biển nội quy, tiêu lệnh chữa cháy được thiết kế đồng bộ.

12.2.3.3. Các hạng mục phụ trợ.

a) Nhà để xe: mặt bằng hình chữ nhật, kích thước (12,8x3,4)m. Chiều cao nhà 3,1m; mái dốc lợp tôn đặt trên hệ xà gồ bằng thép hộp tiết diện (40x40)mm dày 1,2mm đặt trên vì kèo thép hộp tiết diện (60x30)mm dày 1,2mm. Móng cột bằng bê tông mác 200, sâu 0,6m so với mặt sân; cột đỡ mái bằng thép hộp tiết diện (100x50)mm dày 2mm, được chôn sâu xuống đáy móng; nền nhà để xe bằng bê tông xi măng mác 200, dày 100m.

b) Nhà chứa rác

- Giải pháp thiết kế kiến trúc: mặt bằng nhà hình chữ nhật kích thước theo tim tường (5x3,3)m; chiều cao nhà 4,2m, chiều cao tôn nền 0,15m so với mặt sân. Mái dốc, lợp tôn.

- Giải pháp thiết kế kết cấu: móng gạch bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; giằng tường bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hình C tiết diện (80x40)mm dày 2mm.

- Giải pháp thiết kế hoàn thiện: nền nhà sử dụng bê tông mác 150, dày 100mm. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 15mm; toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn 01 nước lót 02 nước phủ. Cửa đi sử dụng cửa thép hộp kích thước (80x40) dày 1mm và (40x40) dày 1mm.

- Giải pháp thiết kế cấp điện, chiếu sáng: nguồn điện cấp cho công trình lấy từ điện nhà công vụ sử dụng dây CU/PVC/PVC tiết diện (2x1,5)mm^2 cấp đến thiết bị sử dụng điện. Dây dẫn điện luồn trong ống nhựa mềm đi ngầm trong tường. Chiếu sáng phòng sử dụng đèn tuýp led đơn, công suất 36w.

c) Sân bê tông (diện tích 365m^2): kết cấu từ trên xuống dưới gồm: bê tông xi măng mác 200 dày 10cm; lớp cát dày 20mm, ni lông chống thấm, nền đất tự nhiên.

d) Cổng: được bố trí trên tuyến ranh giới phía Đông Nam của khu đất. Cổng chính rộng 4m, cổng phụ rộng 1,3m. Trụ cổng kích thước (0,44x0x44x2,4)m. Trụ cổng bằng bê tông cốt thép kết hợp xây bằng gạch (trong đó: phần lõi trụ cổng bằng bê tông cốt thép tiết diện (300x300)mm, bê tông mác 200, phần ngoài xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50). Móng trụ cổng bằng bê tông cốt thép mác 200. Trát trụ cổng bằng vữa xi măng cát mác 75 dày 1,5cm. Sơn hoàn thiện bằng sơn 1 nước lót, 2 nước phủ.

e) Bể chứa nước, bể tự hoại, bể tự ngấm

- Bể chứa nước: bể đặt nổi, kích thước bể (2,2x1,82x1,7)m; đáy và nắp bể bằng bê tông cốt thép mác 200; thành bể xây bằng gạch không nung, vữa xi

măng cát mác 50; trát trong bể bằng vữa xi măng cát mác 100, dày 2cm. Đáy bể láng vữa xi măng tinh chống thấm.

- Bể tự hoại: đặt ngoài khu vệ sinh. Bể đặt ngầm, kích thước bể (2,4x1,8x1,35)m; đáy và nắp bể bằng bê tông cốt thép mác 200; thành bể xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 50; trát trong bể bằng vữa xi măng cát mác 100, dày 2cm.

- Bể tự ngấm: Đặt ngoài nhà vệ sinh. Bể đặt ngầm, kích thước bể (1,12x1,72x1,6)m; nắp bể bằng bê tông cốt thép mác 100; thành bể xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 50; đáy bể kết cấu từ trên xuống gồm than củi dày 120mm, than xỉ dày 120mm, gạch vỡ (30x30)mm dày 120mm, gạch vỡ (60x60)mm dày 120mm, gạch xếp dày 110mm.

12.3 Trạm y tế xã Vũ Lễ

12.3.1. Giải pháp phá dỡ

- Phá dỡ tạo mặt bằng thi công: thực hiện phá dỡ bằng máy kết hợp thủ công các công trình hiện trạng gồm: nhà Trạm y tế cũ diện tích xây dựng 75m^2; dãy nhà phòng khám đa khoa cũ + vệ sinh, diện tích xây dựng 161m^2; nhà cấp phát thuốc, diện tích xây dựng 24m^2; bể nước, lò đốt rác hiện trạng.

- Chất thải xây dựng sau khi phá dỡ được vận chuyển đổ thải bằng ô tô 07 tấn, cự ly vận chuyển cách công trình 3km.

12.3.2. Giải pháp thiết kế tổng mặt bằng

Trụ sở Trạm y tế xã Vũ Lễ được xây dựng trên khu đất (diện tích 2.473m^2) thực hiện cải tạo, nâng cấp đầu tư xây dựng mới các hạng mục công trình như sau:

- Cải tạo, nâng cấp 01 dãy nhà (05 phòng bệnh khép kín) thành nhà khám bệnh đa khoa 02 tầng, bố trí tại phí Đông Nam khu đất, mặt đứng chính hướng Tây Bắc.

- Nhà Trạm y tế xây mới 02 tầng, bố trí tại phía Đông Bắc của khu đất, mặt đứng chính hướng Tây Nam.

- Nhà để xe xây mới, bố trí tại phía Tây Bắc của khu đất, mặt đứng chính hướng Đông Nam

- Nhà chứa rác xây mới 01 tầng, bố trí tại phía Đông Nam của khu đất, mặt đứng chính hướng Tây Nam

Các chỉ tiêu quy hoạch đạt được: mật độ xây dựng 35%, hệ số sử dụng đất 0,7 lần; số tầng cao 02 tầng.

12.3.3. Giải pháp thiết kế, cải tạo, sửa chữa các hạng mục công trình

12.3.3.1. Cải tạo, nâng cấp 01 dãy nhà *(05 phòng bệnh khép kín)* thành nhà khám bệnh đa khoa 02 tầng

- Giải pháp phá dỡ đối với dãy nhà 05 phòng bệnh khép kín cải tạo, nâng cấp thành nhà khám bệnh đa khoa 02 tầng:

+ Phá bằng tay kết hợp bằng thủ công các hạng mục dỡ bồn hoa trước nhà, tháo dỡ mái tôn, xà gồ, tường thu hồi, seno mái để tạo mặt bằng nâng tầng.

+ Phá dỡ tường, tháo dỡ cửa đi và ô sàn tại trục G:(5-6) để làm cầu thang.

+ Cạo bỏ lớp sơn cũ tại các phòng tầng 01, sơn lại hoàn thiện 01 nước lót 02 nước phủ.

+ Tháo dỡ toàn bộ cửa hiện trạng tại tầng 01 nhà dãy nhà 05 phòng bệnh khép kín hiện trạng, thay mới toàn bộ cửa để đồng bộ với nhà Trạm y tế xây mới.

+ Tháo dỡ toàn bộ thiết bị điện hiện trạng, đi lại toàn bộ hệ thống điện đồng bộ với nhà Trạm y tế xây mới.

- Giải pháp thiết kế kiến trúc: cải tạo, nâng nhà 05 phòng bệnh khép kín thành nhà khám bệnh đa khoa 02 tầng: Mặt bằng nhà hình chữ nhật, kích thước theo tim tường (18x6,82)m; hành lang rộng 2,04m (tính theo tim tường) và kết nối với hành lang nhà Trạm y tế xây mới tạo thành khối nhà hình chữ L *(gồm nhà Trạm y tế xây mới và nhà cải tạo 05 phòng khám)*. Mái dốc lợp tôn

- Giải pháp thiết kế kết cấu: khoan cấy thép vào các ô dầm hiện trạng, cứ 1m khoan 01 điểm cấy thép giữa dầm cũ và dầm mới. Sử dụng mũi khoan d=18mm khoan cấy thép vào cột và dầm hiện trạng. Giằng tường bằng bê tông cốt thép mác 200; hệ cột, dầm, sàn mái bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50.

- Giải pháp thiết kế hoàn thiện: nền các phòng và hành lang lát gạch ceramic kích thước (600x600)mm; tường phòng đẻ, phòng kế hoạch hoá gia đình ốp gạch men kích thước (300x600)mm cao đến trần; tường phòng sơ cấp cứu, phòng tiêm, phòng tiệt trùng ốp gạch men kích thước (300x600)mm cao 2m; chân tường phòng khám (đông + tây y) ốp gạch kích thước (120x400)mm. Nền các phòng vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước (300x300)mm; tường phòng vệ sinh ốp bằng gạch ceramic kích thước (300x600)mm cao 1,8m; ốp trần nhựa xương nhôm tấm thả. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 15mm; trát trần bằng vừa xi măng cát mác 75 dày 15mm; toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn 01 nước lót 02 nước phủ. Toàn bộ cửa đi, cửa sổ các phòng sử dụng cửa thép tấm, kính trắng dày 5mm.

- Giải pháp thiết kế điện: nguồn điện cấp cho công trình sử dụng dây cáp CU/XPLE/PVC tiết diện (2x50)mm^2 cấp đến tủ điện tổng. Từ tủ điện tổng cấp điện đến các phòng, cấp đến các thiết bị sử dụng điện bằng dây dẫn CU/XLPE/PVC tiết diện (2x1,5)mm^2; CU/XLPE/PVC tiết diện (2x2,5)mm^2. Dây dẫn điện luồn trong ống nhựa mềm đi ngầm trong tường. Tủ điện có aptomat bảo vệ.

- Giải pháp thiết kế cấp nước: nước cấp cho công trình được bơm từ giếng khoan đã có sẵn của Trạm y tế sử dụng máy bơm (Q=2-3m^3/h, H=25m) lên téc nước đặt trên sàn mái (dung tích téc chứa nước 3m^3). Nước cấp xuống các thiết bị dùng nước bằng ống nhựa hàn nhiệt PP-R d=32mm; d=25mm.

- Giải pháp thiết kế thoát nước: nước từ xí, tiểu theo đường ống PVC d=110mm thoát vào bể tự hoại. Nước sàn và nước từ lavabo được thoát theo đường ống PVC d=90mm vào bể ngấm. Nước mưa từ mái thoát xuống sân bằng đường ống PVC d=90mm sau đó chảy ra rãnh thoát nước mưa ngoài nhà.

- Giải pháp thiết kế chống sét: kim thu sét dùng thép tròn đường kính d=16mm dài 1m; dây dẫn sét dùng dây thép tròn đường kính d=10mm. Dây nối đất dùng dây thép tròn d=12mm. Cọc tiếp địa sử dụng thép hình L(63x63x6)mm dài 2,5m đặt sâu cách mặt đất 1,0m. Điện trở nối đất Rnđ ≤ 10Ω.

- Giải pháp thiết kế phòng cháy, chữa cháy: bố trí mỗi tầng 01 tủ chứa bình chữa cháy, tủ chứa 02 bình bình bột MFZL4 (4kg) và 02 bình MT3 (4kg); biển nội quy, tiêu lệnh chữa cháy được thiết kế đồng bộ.

12.3.3.2. Nhà Trạm y tế xây mới

- Giải pháp thiết kế kiến trúc (*vận dụng thiết kế mẫu số 01, Trạm y tế xã phần từ cốt ±0.000 đến mái ban hành kèm theo Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn).*

Mặt bằng nhà hình chữ nhật, kích thước theo tim tường (23,92x7,62)m; hành lang rộng 2,3m (tính theo tim tường). Mái dốc lợp tôn.

- Giải pháp thiết kế kết cấu: móng đơn bê tông cốt thép mác 200, kết hợp móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; hệ cột, dầm, sàn mái bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp tiết diện (80x40)mm dày 1,4mm đặt trên tường thu hồi.

- Giải pháp thiết kế hoàn thiện: nền các phòng và hành lang lát gạch ceramic kích thước (600x600)mm; tường phòng đẻ, phòng kế hoạch hoá gia đình ốp gạch men kích thước (300x600)mm cao đến trần; tường phòng sơ cấp cứu, phòng tiêm, phòng tiệt trùng ốp gạch men kích thước (300x600)mm cao 2m; chân tường phòng khám (đông + tây y) ốp gạch kích thước (120x400)mm. Nền các phòng vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước (300x300)mm; tường phòng vệ sinh ốp bằng gạch ceramic kích thước (300x600)mm cao 1,8m; ốp trần nhựa xương nhôm tấm thả. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 15mm; trát trần bằng vừa xi măng cát mác 75 dày 15mm; toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn 01 nước lót 02 nước phủ. Toàn bộ cửa đi, cửa sổ các phòng sử dụng cửa thép tấm, kính trắng dày 5mm.

- Giải pháp thiết kế điện, chiếu sáng: nguồn điện cấp cho công trình sử dụng dây cáp CU/XPLE/PVC tiết diện (2x50)mm^2 cấp đến tủ điện tổng. Từ tủ điện tổng cấp điện đến các phòng, cấp đến các thiết bị sử dụng điện bằng dây dẫn CU/XLPE/PVC tiết diện (2x1,5)mm^2; CU/XLPE/PVC tiết diện (2x2,5)mm^2. Dây dẫn điện luồn trong ống nhựa mềm đi ngầm trong tường. Tủ điện có aptomat bảo vệ. Chiếu sáng các phòng sử dụng đèn tuýp led đôi, công suất mỗi bóng 40w. Chiếu sáng hành lang sử dụng đèn led ốp trần công suất 32w. Thông gió nhân tạo dùng quạt trần sải cánh 1,4m

- Giải pháp thiết kế cấp nước: nước cấp cho công trình được bơm từ giếng khoan đã có sẵn của Trạm y tế sử dụng máy bơm (Q=2-3m^3/h, H=25m) lên téc nước đặt trên sàn mái (dung tích téc chứa nước 3m^3). Nước cấp xuống các thiết bị dùng nước bằng ống nhựa hàn nhiệt PP-R d=32mm; d=25mm.

- Giải pháp thiết kế thoát nước: nước từ xí, tiểu theo đường ống PVC d=110mm thoát vào bể tự hoại. Nước sàn và nước từ lavabo được thoát theo đường ống PVC d=90mm vào bể ngấm. Nước mưa từ mái thoát xuống sân bằng đường ống PVC d=90mm sau đó chảy ra rãnh thoát nước mưa ngoài nhà.

- Giải pháp thiết kế chống sét: kim thu sét dùng thép tròn đường kính d=16mm dài 1m; dây dẫn sét dùng dây thép tròn đường kính d=10mm. Dây nối đất dùng dây thép tròn d=12mm. Cọc tiếp địa sử dụng thép hình L(63x63x6)mm dài 2,5m đặt sâu cách mặt đất 1,0m. Điện trở nối đất Rnđ ≤ 10Ω.

- Giải pháp thiết kế phòng cháy, chữa cháy: bố trí mỗi tầng 01 tủ chứa bình chữa cháy, tủ chứa 02 bình bình bột MFZL4 (4kg) và 02 bình MT3 (4kg); biển nội quy, tiêu lệnh chữa cháy được thiết kế đồng bộ.

12.3.3.3. Các hạng mục phụ trợ nhà để xe; nhà chứa rác; sân bê tông; cổng, tường rào.

a) Nhà để xe:

- Giải pháp thiết kế kiến trúc: mặt bằng hình chữ nhật, kích thước (11,5x3)m. Chiều cao 2,51m; mái dốc lợp tôn đặt trên hệ xà gồ bằng thép tròn d=80mm dày 1,1mm đặt trên tròn d=60mm dày 1,1mm. Móng cột bằng bê tông mác 200, sâu 0,6m so với mặt sân; cột đỡ mái bằng thép tròn d=114mm dày 1,4mm, được chôn sâu xuống đáy móng; nền nhà để xe bằng bê tông xi măng mác 200, dày 100m.

- Giải pháp thiết kế cấp điện, chiếu sáng: nguồn điện cấp cho công trình lấy tủ điện nhà vệ sinh của Trạm y tế sử dụng dây CU/PVC/PVC tiết diện (2x1,5)mm^2 cấp đến thiết bị sử dụng điện. Chiếu sáng nhà để xe sử dụng đèn tuýp led đơn, công suất 20w.

b) Nhà chứa rác

- Giải pháp thiết kế kiến trúc: mặt bằng nhà hình chữ nhật kích thước theo tim tường (2,5x3,3)m; chiều cao nhà 4,5m, chiều cao tôn nền 0,15m so với mặt sân. Mái dốc, lợp tôn.

- Giải pháp thiết kế kết cấu: móng gạch bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; giằng tường bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp tiết diện (30x60)mm dày 1,1mm.

- Giải pháp thiết kế hoàn thiện: nền nhà sử dụng bê tông mác 150, dày 100mm. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 15mm; toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn 01 nước lót 02 nước

phủ. Cửa đi sử dụng cửa thép hộp kích thước (80x40) dày 1mm và (40x40) dày 1mm.

- Giải pháp thiết kế cấp điện, chiếu sáng: Nguồn điện cấp cho công trình lấy tủ điện nhà Trạm y tế sử dụng dây CU/PVC/PVC tiết diện (2x1,5)mm^2 cấp đến thiết bị sử dụng điện. Dây dẫn điện luồn trong ống nhựa mềm đi ngầm trong tường. Chiếu sáng phòng sử dụng đèn tuýp led đơn, công suất 36w.

c) Sân bê tông (diện tích 450m^2): kết cấu từ trên xuống dưới gồm: bê tông xi măng mác 200 dày 10cm; lớp cát dày 20mm, ni lông chống thấm, nền đất tự nhiên.

d) Cổng, tường rào:

- Cổng: được bố trí trên tuyến ranh giới phía Đông Nam của khu đất. Cổng rộng 6,2m. Trụ cổng kích thước (600x600x3500)mm. Trụ cổng bằng bê tông cốt thép kết hợp xây bằng gạch (trong đó: phần lõi trụ cổng bằng bê tông cốt thép tiết diện (350x350)mm, bê tông mác 200, phần ngoài xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50). Móng trụ cổng bằng bê tông cốt thép mác 200. Trát trụ cổng bằng vữa xi măng cát mác 75 dày 1,5cm. Sơn hoàn thiện bằng sơn 1 nước lót, 2 nước phủ. Phía trên 02 trụ cổng là biển tên, khung biển sử dụng thép hộp kích thước (6900x800x300)mm; mặt biển sử dụng tấm mika.

- Tường rào:

+ Tường rào xây mới (tại vị trí A-B-C-D-E-F dài 44m) móng và trụ tường rào xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50. Tường rào hoa sắt, sử dụng sắt vuông (12x12)mm kết hợp với thép hộp và mũi giáo.

+ Tường rào cải tạo tại vị trí A-H-G-F chiều dài 81,48m: Cạo bỏ lớp sơn cũ đã xuống cấp, sơn hoàn thiện lại 01 nước lót, 02 nước phủ.

12.4. Trạm y tế xã Tân Thành

12.4.1. Giải pháp thiết kế tổng mặt bằng

Trụ sở Trạm y tế xã Tân Thành được xây dựng trên khu đất có diện tích 1.310m^2, thực hiện đầu tư xây dựng mới các hạng mục công trình như sau:

- Nhà Trạm y tế xây mới 01 tầng, bố trí tại phía Đông Bắc của khu đất, mặt đứng chính hướng Tây Nam.

- Nhà công vụ xây mới 01 tầng, bố trí tại phía Đông Nam của khu đất, mặt đứng chính hướng Tây Bắc

- Nhà để xe xây mới, bố trí tại phía Tây Nam của khu đất, mặt đứng chỉnh hướng Đông Bắc.

- Nhà chứa rác xây mới 01 tầng, bố trí tại phía Tây Bắc của khu đất, mặt đứng chính hướng Tây Nam.

Các chỉ tiêu quy hoạch đạt được: mật độ xây dựng 22,6%; hệ số sử dụng đất 0,4 lần; số tầng cao 02 tầng.

12.4.2. Giải pháp thiết kế các hạng mục công trình

12.4.2.1. Nhà Trạm y tế

- Giải pháp thiết kế kiến trúc (*sử dụng thiết kế mẫu số 02, Trạm y tế xã phần từ cốt ±0.000 đến mái ban hành kèm theo Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn).*

Mặt bằng nhà hình chữ L, kích thước theo tim tường (17,3x16,8)m; hành lang phía rộng 2,3m (tính theo tim tường). Mái dốc lợp tôn.

- Giải pháp thiết kế kết cấu: móng đơn bê tông cốt thép mác 200, kết hợp móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; hệ cột, dầm, sàn mái bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp tiết diện (80x40)mm dày 1,4mm đặt trên tường thu hồi.

- Giải pháp thiết kế hoàn thiện: nền các phòng và hành lang lát gạch ceramic kích thước (600x600)mm; tường phòng đẻ, phòng kế hoạch hoá gia đình ốp gạch men kích thước (300x600)mm cao đến trần; tường phòng sơ cấp cứu, phòng tiêm, phòng tiệt trùng ốp gạch men kích thước (300x600)mm cao 2m; chân tường phòng khám (đông + tây y) ốp gạch kích thước (120x600)mm. Nền các phòng vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước (600x600)mm; tường phòng vệ sinh ốp bằng gạch ceramic kích thước (300x600)mm cao 1,8m; ốp trần nhựa xương nhôm tấm thả. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 15mm; trát trần bằng vừa xi măng cát mác 75 dày 15mm; toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn 01 nước lót 02 nước phủ. Toàn bộ cửa đi, cửa sổ các phòng sử dụng cửa thép tấm, kính trắng dày 5mm.

- Giải pháp thiết kế cấp điện, chiếu sáng: nguồn điện cấp cho công trình lấy từ cột điện ngoài nhà sử dụng dây cáp CU/XPLE/PVC tiết diện (2x16)mm^2 cấp đến tủ điện tổng đặt dưới chân cầu thang công trình. Từ tủ điện tổng cấp điện đến tủ điện các phòng bằng dây CU/XLPE/PVC tiết diện (2x6)mm^2; cấp đến các thiết bị sử dụng điện bằng dây dẫn CU/XLPE/PVC tiết diện (2x1,5)mm^2; CU/XLPE/PVC tiết diện (2x2,5)mm^2. Dây dẫn điện luồn trong ống nhựa mềm đi ngầm trong tường. Tủ điện có aptomat bảo vệ. Chiếu sáng các phòng sử dụng đèn tuýp led đôi, công suất mỗi bóng 40w. Chiếu sáng hành lang sử dụng đèn led ốp trần công suất 18w. Thông gió nhân tạo dùng quạt trần sải cánh 1,4m

- Giải pháp thiết kế cấp nước: nước cấp cho công trình được bơm từ giếng khoan xây mới bằng máy bơm (Q=3,6m^3/h, H=15m) lên téc nước đặt trên sàn mái (dung tích téc chứa nước 2m^3). Nước cấp xuống các thiết bị dùng nước bằng ống nhựa hàn nhiệt PP-R d=32mm; d=20mm.

- Giải pháp thiết kế thoát nước: nước từ xí, tiểu theo đường ống PVC d=110mm thoát vào bể tự hoại. Nước sàn và nước từ lavabo được thoát theo đường ống PVC d=90mm vào bể ngấm. Nước mưa từ mái thoát xuống sân bằng đường ống PVC d=110mm sau đó chảy ra rãnh thoát nước mưa ngoài nhà.

- Giải pháp thiết kế chống sét: kim thu sét dùng thép tròn đường kính d=16mm dài 1m; dây dẫn sét dùng dây thép tròn đường kính d=10mm. Dây nối đất

dùng dây thép tròn d=12mm. Cọc tiếp địa sử dụng thép hình L(63x63x6)mm dài 2,5m đặt sâu cách mặt đất 1,0m. Điện trở nối đất Rnđ ≤ 10Ω.

- Giải pháp thiết kế phòng cháy, chữa cháy: bố trí 01 tủ chứa bình chữa cháy bằng kim loại, tủ chứa 03 bình bình bột MFZL4 (4kg); biển nội quy, tiêu lệnh chữa cháy được thiết kế đồng bộ.

12.4.2.2. Các hạng mục phụ trợ

a) Nhà công vụ

- Giải pháp thiết kế kiến trúc: mặt bằng nhà hình chữ nhật kích thước theo tim tường (10,2x6,8)m; chiều cao nhà 5,3m, chiều cao tôn nền 0,36m so với mặt sân; hành lang phía trước rộng 1,4m (tính theo tim tường). Mái dốc lợp tôn.

- Giải pháp thiết kế kết cấu: móng đơn bê tông cốt thép mác 200, kết hợp móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; hệ cột, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp tiết diện (80x40)mm dày 1,4mm đặt trên tường thu hồi.

- Giải pháp thiết kế hoàn thiện: nền nhà và hành lang lát gạch ceramic kích thước (600x600)mm; tường phòng bếp ốp gạch men kích thước (300x600) ốp cao 0,8m. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 15mm; trát trần bằng vừa xi măng cát mác 75 dày 15mm; toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn 01 nước lót 02 nước phủ. Toàn bộ cửa đi, cửa sổ các phòng sử dụng cửa thép tấm, kính trắng dày 5mm.

- Giải pháp thiết kế cấp điện, chiếu sáng: nguồn điện cấp cho công trình lấy từ tủ điện tổng đặt tại nhà Trạm y tế xây mới sử dụng dây CU/PVC/PVC tiết diện (2x6)mm^2 cấp đến tủ điện nhà công vụ. Từ tủ điện cấp đến các thiết bị sử dụng điện bằng dây dẫn CU/XLPE/PVC tiết diện (2x1,5)mm^2; CU/XLPE/PVC tiết diện (2x2,5)mm^2. Dây dẫn điện luồn trong ống nhựa mềm đi ngầm trong tường. Tủ điện có aptomat bảo vệ. Chiếu sáng các phòng sử dụng đèn tuýp led đơn, công suất 40w. Chiếu sáng hành lang sử dụng đèn led ốp trần công suất 32w. Thông gió nhân tạo dùng quạt trần sải cánh 1,4m

- Giải pháp thiết kế cấp nước: nước cấp cho phòng bếp của công trình lấy từ bể chứa nước, sử dụng máy bơm công suất (Q=3,6m^3/h; H=15m) cấp nước lên téc (dung tích 1m^2) đặt trên sàn mái nhà công vụ. Nước cấp xuống các thiết bị dùng nước bằng ống nhựa hàn nhiệt PP-R, đường kính d=25mm, d=20mm.

- Giải pháp thiết kế thoát nước: nước từ chậu rửa đặt trong phòng bếp theo đường ống PVC d=90mm, d=110mm thoát ra rãnh.

- Giải pháp thiết kế phòng cháy, chữa cháy: bố trí 01 tủ chứa bình chữa cháy bằng kim loại, tủ chứa bình bột MFZL4 (4kg) và bình MT3 (4kg); biển nội quy, tiêu lệnh chữa cháy được thiết kế đồng bộ.

b) Nhà chứa rác

- Giải pháp thiết kế kiến trúc: công trình cao 01 tầng, mặt bằng nhà hình chữ nhật, kích thước theo tim tường (2,5x2,5)m; chiều cao nhà 4,2m; chiều cao tôn nền 0,15m. Mái dốc lợp tôn dày.

- Giải pháp thiết kế kết cấu: móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp tiết diện (30x60)mm dày 1,1mm đặt trên tường thu hồi.

- Giải pháp thiết kế hoàn thiện: nền nhà đổ bê tông mác 150 dày 100mm. Tường trong và ngoài nhà quét vôi ve. Cửa đi sử dụng thép hộp.

- Giải pháp thiết kế cấp điện: nguồn điện được lấy từ tủ điện đặt tại nhà công vụ, dây dẫn cấp điện cho các thiết bị điện sử dụng dây CU/PVC tiết diện (2x1,5)mm^2 đến tủ điện đặt trong nhà.

- Giải pháp thiết kế thoát nước mưa: nước mưa từ mái thoát trực tiếp xuống sân bê tông.

c) Nhà để xe: mặt bằng hình chữ nhật, kích thước (9x2,5)m. Chiều cao tôn nền 0,05m so với mặt sân; chiều cao nhà 2,9m; mái dốc lợp tôn đặt trên hệ xà gồ bằng thép hộp tiết diện (80x40)mm dày 1,4mm đặt trên thép ống d=40mm. Móng cột bằng bê tông mác 200, sâu 0,9m so với mặt sân; cột đỡ mái bằng thép ống d=100mm, được chôn sâu xuống đáy móng; nền nhà để xe bằng bê tông xi măng mác 150, dày 100m.

d) Bể chứa nước, bể tự hoại, bể tự ngấm, giếng khoan:

- Bể chứa nước đặt nổi, kích thước bể (2x2,5x1,7)m; đáy và nắp bể bằng bê tông cốt thép mác 200; thành bể xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 50; trát trong bể bằng vữa xi măng cát mác 100, dày 2cm. Đáy bể láng vữa xi măng tinh chống thấm.

- Bể tự hoại: bố trí phía dưới nhà vệ sinh, kích thước bể (1,8x2,4x1,35)m; lót đáy bể bằng bê tông đá (2x4)cm, mác 150, dày 10cm; đáy bể bằng bê tông cốt thép đá (1x2)cm, mác 200, dày 10cm; thành xây bằng gạch không nung vữa xi măng mác 50; trát bể bằng vữa xi măng mác 75; nắp tấm đan bằng bê tông cốt thép đá (1x2)cm, mác 200, dày 10cm.

- Bể tự ngấm: xây 02 bể; 01 bể sau phòng vệ sinh nhà khám bệnh, 1 bể sau nhà công vụ; đáy bể bằng bê tông cốt thép đá (1x2)cm mác 200 dày 10cm; được lót bằng 4 lớp than củi, than xỉ gạch vỡ, gạch xếp dày 15cm; thành xây bằng gạch không nung (220x105x60)mm vữa xi măng mác 50 dày 220mm; trát bể bằng vữa xi măng mác 75; tấm đan bằng bê tông cốt thép đá (1x2)cm mác 200 dày 10cm.

- Giếng khoan: giếng được khoan ở độ sâu 30m, lắp đặt hệ thống hút nước bằng ống PVC d=140mm; d=125mm; d=40mm.

e) Sân, cổng, tường rào:

- Sân bê tông (diện tích 690m^2): kết cấu từ trên xuống dưới gồm: bê tông xi măng mác 200 dày 10cm; ni lông chống thấm, lớp cát dày 20mm trên nền đất tự nhiên.

- Cổng: được bố trí trên tuyến ranh giới phía Đông Nam của khu đất. Cổng rộng 5,2m. Trụ cổng kích thước (700x700x3500)mm. Trụ cổng bằng bê tông cốt thép kết hợp xây bằng gạch (trong đó: phần lõi trụ cổng bằng bê tông cốt thép tiết diện (220x220)mm, bê tông mác 200, phần ngoài xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50). Móng trụ cổng bằng bê tông cốt thép mác 200. Trát trụ cổng bằng vữa xi măng cát mác 75 dày 1,5cm. Sơn hoàn thiện bằng sơn 1 nước lót, 2 nước phủ. Phía trên 02 trụ cổng là biển tên, khung biển sử dụng thép hộp kích thước (5300x800x180)mm; mặt biển sử dụng tấm mika.

- Tường rào: tường rào xây mới bao quanh khu đất dài 235m móng và trụ tường rào xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50. Tường rào sử dụng thép hộp tiết diện (30x60)mm dày 1,4mm; (20x20)mm dày 1,2mm.

f) San nền: tổng diện tích san nền 1170,56 m2, trong đó diện tích đào 519,51 m2; diện tích đắp 637,78 m2; cao độ san nền trung bình +135.00m; độ chặt đất đắp san nền k=0,9

12.5. Trạm y tế xã Tân Tri

12.5.1. Giải pháp phá dỡ

- Phá dỡ tạo mặt bằng thi công: thực hiện phá dỡ bằng máy kết hợp thủ công các công trình gồm: nhà 05 phòng, diện tích xây dựng 100m^2; nhà công vụ, diện tích xây dựng 47m^2; nhà Trạm y tế hiện trạng, diện tích xây dựng 78m^2; nhà vệ sinh hiện trạng, diện tích xây dựng 23m^2

- Chất thải xây dựng sau khi phá dỡ được vận chuyển đổ thải bằng ô tô 07 tấn, cự ly vận chuyển cách công trình 1km.

12.5.2. Giải pháp thiết kế tổng mặt bằng

Trụ sở Trạm y tế xã Tân Tri được xây dựng trên khu đất có diện tích 606 m^2, thực hiện đầu tư xây dựng mới các hạng mục công trình như sau:

- Nhà Trạm y tế xây mới 02 tầng, bố trí tại phía Nam của khu đất, mặt đứng chính hướng Bắc.

- Nhà để xe xây mới, bố trí tại phía Đông của khu đất, mặt đứng chỉnh hướng Tây.

- Nhà chứa rác xây mới 01 tầng, bố trí tại phía Nam của khu đất, mặt đứng chính hướng Bắc.

Các chỉ tiêu quy hoạch đạt được: Mật độ xây dựng 44%, hệ số sử dụng đất 0,82 lần, số tầng cao 02 tầng.

12.5.3. Giải pháp thiết kế các hạng mục công trình

12.5.3.1. Nhà Trạm y tế *(gồm 13 phòng chức năng, 01 phòng bếp, 01 phòng công vụ)*

- Giải pháp thiết kế kiến trúc: mặt bằng nhà hình chữ nhật, kích thước theo tim tường (30,6x9.15)m; hành lang phía trước rộng 2,3m (tính theo tim tường). Giao thông theo phương đứng gồm 01 cầu thang bộ, bố trí tại trục (6-7):(C-D). Mái dốc, lợp tôn.

- Giải pháp thiết kế kết cấu: móng đơn bê tông cốt thép mác 200, kết hợp móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; hệ cột, dầm, sàn mái bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép chữ C tiết diện (100x50)mm dày 2 mm đặt trên tường thu hồi.

- Giải pháp thiết kế hoàn thiện: nền các phòng và hành lang lát gạch ceramic kích thước (600x600)mm; tường phòng đẻ, phòng kế hoạch hoá gia đình ốp gạch men kích thước (300x450)mm cao đến trần; tường phòng sơ cấp cứu, phòng tiêm, phòng tiệt trùng ốp gạch men kích thước (300x450)mm cao 2,25m; tường phòng bếp ốp gạch men kích thước (300x450)mm cao 0,9m tính từ mặt bàn bếp; chân tường các phòng ốp gạch kích thước (120x600)mm. Nền các phòng vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước (300x300)mm; tường phòng vệ sinh ốp bằng gạch ceramic kích thước (300x450)mm cao 1,8m; ốp trần nhựa xương nhôm tấm thả. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 15mm; trát trần bằng vừa xi măng cát mác 75 dày 15mm; toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn 01 nước lót 02 nước phủ. Toàn bộ cửa đi, cửa sổ các phòng sử dụng cửa thép tấm, kính trắng dày 5mm.

- Giải pháp thiết kế cấp điện, chiếu sáng: nguồn điện cấp cho công trình lấy từ cột điện ngoài nhà sử dụng dây cáp CU/XPLE/PVC tiết diện (2x25)mm^2 cấp đến tủ điện tổng đặt dưới chân cầu thang công trình. Từ tủ điện tổng cấp điện đến tủ điện các phòng bằng dây CU/XLPE/PVC tiết diện (2x6)mm^2; cấp đến các thiết bị sử dụng điện bằng dây dẫn CU/XLPE/PVC tiết diện (2x1,5)mm^2; CU/XLPE/PVC tiết diện (2x2,5)mm^2. Dây dẫn điện luồn trong ống nhựa mềm đi ngầm trong tường. Tủ điện có aptomat bảo vệ. Chiếu sáng các phòng sử dụng đèn tuýp led đôi, công suất mỗi bóng 40w. Chiếu sáng hành lang sử dụng đèn led ốp trần công suất 32w. Thông gió nhân tạo dùng quạt trần sải cánh 1,4m

- Giải pháp thiết kế cấp nước: nước cấp cho công trình được bơm từ giếng khoan xây mới bằng máy bơm (Q=3,6m^3/h, H=15m) lên téc nước đặt trên sàn mái (dung tích téc chứa nước 3m^3). Nước cấp xuống các thiết bị dùng nước bằng ống nhựa hàn nhiệt PP-R d=34mm; d=20mm.

- Giải pháp thiết kế thoát nước: nước từ xí, tiểu theo đường ống PVC d=110mm thoát vào bể tự hoại. Nước sàn và nước từ lavabo được thoát theo đường ống PVC d=90mm vào bể ngấm. Nước mưa từ mái thoát xuống sân bằng đường ống PVC d=110mm sau đó chảy ra rãnh thoát nước mưa ngoài nhà.

- Giải pháp thiết kế chống sét: kim thu sét dùng thép tròn đường kính d=16mm dài 1m; dây dẫn sét dùng dây thép tròn đường kính d=10mm. Dây nối đất dùng dây thép tròn d=12mm. Cọc tiếp địa sử dụng thép hình L(63x63x6)mm dài 2,5m đặt sâu cách mặt đất 1,0m. Điện trở nối đất Rnđ ≤ 10Ω.

- Giải pháp thiết kế phòng cháy, chữa cháy: mỗi tầng bố trí 01 tủ chứa bình chữa cháy bằng kim loại ,tủ chứa 03 bình bình bột MFZL4 (4kg); biển nội quy, tiêu lệnh chữa cháy được thiết kế đồng bộ.

12.5.3.2. Các hạng mục phụ trợ

a) Nhà chứa rác

- Giải pháp thiết kế kiến trúc: công trình cao 01 tầng, mặt bằng nhà hình chữ nhật, kích thước theo tim tường (2,2x3,3)m; chiều cao nhà 4,5m; chiều cao tôn nền 0,36m. Mái dốc lợp tôn dày.

- Giải pháp thiết kế kết cấu: móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp tiết diện (30x60)mm dày 1,1mm đặt trên tường thu hồi.

- Giải pháp thiết kế hoàn thiện: nền nhà lát gạch kích thước (600x600)mm. Tường trong và ngoài nhà quét vôi ve. Cửa đi sử dụng thép hộp.

- Giải pháp thiết kế cấp điện: nguồn điện được lấy từ tủ điện đặt tại nhà Trạm y tế, dây dẫn cấp điện cho các thiết bị điện sử dụng dây CU/PVC tiết diện (2x1,5)mm^2 đến tủ điện đặt trong nhà.

- Giải pháp thiết kế thoát nước mưa: nước mưa từ mái thoát trực tiếp xuống sân bê tông.

b) Nhà để xe: mặt bằng hình chữ nhật, kích thước (8x3)m. Chiều cao tôn nền 0,2m so với mặt sân; chiều cao nhà 2,1m; mái dốc lợp tôn đặt trên hệ xà gồ bằng thép ống d=80mm đặt trên thép ống d=60mm. Móng cột bằng bê tông mác 200, sâu 0,55m so với mặt sân; cột đỡ mái bằng thép ống D=114mm, được chôn sâu xuống đáy móng; nền nhà để xe bằng bê tông xi măng mác 150, dày 100m.

c) Sân bê tông, cổng, tường rào:

- Sân bê tông (diện tích 280m^2): kết cấu từ trên xuống dưới gồm: bê tông xi măng mác 150 dày 10cm; ni lông chống thấm, nền đất tự nhiên.

- Cổng được bố trí trên tuyến ranh giới phía Bắc của khu đất. Cổng rộng 6,2m. Trụ cổng kích thước (600x600x3500)mm. Trụ cổng bằng bê tông cốt thép kết hợp xây bằng gạch (trong đó: phần lõi trụ cổng bằng bê tông cốt thép tiết diện (350x350)mm, bê tông mác 200, phần ngoài xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50). Móng trụ cổng bằng bê tông cốt thép mác 200. Trát trụ cổng bằng vữa xi măng cát mác 75 dày 1,5cm. Sơn hoàn thiện bằng sơn 1 nước lót, 2 nước phủ. Phía trên 02 trụ cổng là biển tên, khung biển sử dụng thép hộp kích thước (6900x800x300)mm; mặt biển sử dụng tấm mika.

- Tường rào:

+ Tường rào xây mới tại vị trí E-F dài 12m móng và trụ tường rào xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50. Tường rào xây mới bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50, trát bằng vữa xi măng cát mác 75 dày 1,5cm. Sơn hoàn thiện bằng sơn 1 nước lót, 2 nước phủ.

+ Tường rào cải tạo tại vị trí A-E chiều dài 86m: cạo bỏ lớp sơn cũ đã xuống cấp, sơn hoàn thiện lại 01 nước lót, 02 nước phủ.

13. Tổng mức đầu tư: 23.217.805.224 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng:	18.083.664.144	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	511.438.901	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.753.924.689	đồng;
- Chi phí khác:	232.784.941	đồng;
- Chi phí GPMB:	466.132.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	2.169.860.549	đồng.

14. Thời gian thực hiện dự án: năm 2022-2023.

15. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: 12.500.000.000 đồng

- Vốn ngân sách huyện: 10.717.805.224 đồng.

16. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tự thực hiện quản lý dự án.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn; Chủ tịch UBND huyện Bắc Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(CVĐ).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Dương Xuân Huyên